

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trong tháng 05 năm 2026 trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Công văn số 412/BTP-KSTT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ Tư pháp về việc báo cáo cải cách thủ tục hành chính hàng tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) trong tháng 05 năm 2026 (Từ ngày 15/4/2026 đến ngày 14/5/2026) trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai một số nội dung, cụ thể:

- Thực hiện nhiệm vụ ban hành Quyết định ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản¹ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định, trên cơ sở nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương; theo đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cho biết đã xây dựng dự thảo, lấy ý kiến cơ quan, địa phương chịu tác động trực tiếp, tổng hợp, tiếp thu và hoàn chỉnh hồ sơ, nay chuyển Sở Tư pháp xem xét, thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Tờ trình² đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh nhằm tạo khung pháp lý thống nhất sau sáp nhập, thay thế các quy định cũ không còn phù hợp và khắc phục những bất cập trong thực tiễn; theo đó, dự thảo quy định gồm 5 chương, 30 điều, tập trung làm rõ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ, trách nhiệm xin lỗi và giải trình khi để hồ sơ trễ hạn hoặc xảy ra sai sót, cơ chế theo dõi, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục

¹ Công văn số 887/VPUBND-PVHCC ngày 13/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

² Tờ trình số 946/TTr-VPUBND ngày 19/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

hành chính, đồng thời bổ sung một số nội dung phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh để nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Ngày 16/4/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định³ Quy chế hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh. Để việc triển khai thực hiện được thống nhất, kịp thời và đúng quy định, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁴ hướng dẫn triển khai Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, trong đó yêu cầu các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện thống nhất các nhiệm vụ trọng tâm như công bố, công khai và xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đúng thời hạn; rà soát, đánh giá, đơn giản hóa thủ tục hành chính hằng năm; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đúng thời gian quy định; kiện toàn đội ngũ cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính ở các cấp; đồng thời thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ để phục vụ công tác theo dõi, quản lý thống nhất trên toàn tỉnh.

- Nhằm tăng cường công tác thực thi Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ⁵ và Thông tư 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ⁶, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁷ chấn chỉnh việc thực hiện thư xin lỗi và gia hạn thời gian giải quyết đối với hồ sơ thủ tục hành chính bị trễ hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và hệ thống tập trung; qua theo dõi, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhận thấy một số cơ quan, địa phương còn xin lỗi chưa đầy đủ, chưa đúng biểu mẫu, lý do nêu còn chung chung và việc công khai trên hệ thống chưa bảo đảm minh bạch, nên yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm việc xin lỗi đối với 100% hồ sơ trễ hạn, cập nhật đầy đủ trên hệ thống của tỉnh, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp và đồng thời báo cáo trên ứng dụng “Thư xin lỗi” tại địa chỉ hcc.gialai.gov.vn.

- Nhằm đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁸ triển khai ứng dụng “Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai” tích hợp trên Hệ thống thông tin tổng hợp thủ tục hành chính (tại địa chỉ: <https://hcc.gialai.gov.vn>). Qua đó phục vụ hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát thủ tục hành chính theo hướng số hóa, thống nhất và thuận tiện; theo đó, đề nghị các sở, ban thuộc tỉnh phân công đầu mối rà soát, chuẩn hóa và cập nhật đầy đủ,

³ Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴ Công văn số 956/VPUBND-PVHCC ngày 20/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁵ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025).

⁶ Thông tư 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

⁷ Công văn số 886/VPUBND-PVHCC ngày 12/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁸ Công văn số 905/VPUBND-PVHCC ngày 15/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

chính xác dữ liệu về thủ tục hành chính, văn bản quản lý và quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền công bố của đơn vị, đồng thời thường xuyên bổ sung các thay đổi phát sinh để bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, phục vụ tốt công tác tra cứu, báo cáo và theo dõi biến động thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Thông báo số 174/TB-UBND ngày 16/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh⁹, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu văn bản¹⁰ triển khai sử dụng công cụ “AI chuyên dụng hỗ trợ thẩm định hồ sơ thủ tục hành chính đất đai” trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao chất lượng tiếp nhận, thẩm định và giải quyết hồ sơ đất đai, đồng thời hỗ trợ lãnh đạo kiểm soát lại các trường hợp đề xuất trả hồ sơ trước khi phê duyệt; theo đó, Ủy ban nhân dân các xã, phường, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được yêu cầu khẩn trương đưa công cụ vào sử dụng, phối hợp tập huấn, cung cấp dữ liệu để tiếp tục huấn luyện, hoàn thiện AI, bảo đảm công cụ phát huy hiệu quả thực chất trong hỗ trợ cán bộ, công chức xử lý hồ sơ và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành văn bản¹¹ hướng dẫn việc sử dụng công cụ “AI Đất đai” theo hướng an toàn, đúng mục đích và đúng nguyên tắc, nhấn mạnh đây chỉ là công cụ hỗ trợ nghiên cứu, tra cứu, phân tích tình huống nghiệp vụ chứ không được dùng làm căn cứ duy nhất để quyết định tiếp nhận, trả hồ sơ hay ban hành văn bản hành chính; đồng thời yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức tuyệt đối không nhập hồ sơ thật hoặc dữ liệu có thể nhận diện cá nhân, tổ chức, tài sản lên nền tảng AI, mà chỉ được sử dụng các tình huống giả định đã được ẩn danh hóa đầy đủ, qua đó vừa khai thác hiệu quả công cụ hỗ trợ thẩm định hồ sơ đất đai, vừa bảo đảm an toàn thông tin và trách nhiệm pháp lý trong quá trình sử dụng.

- Thực hiện Kế hoạch số 285/KH-TCTTKĐA ngày 16/4/2026 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06, Cải cách thủ tục hành chính, Chuyển đổi số gắn với Đề án 06, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản¹² triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá an ninh mạng đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành văn bản¹³ đề nghị VNPT Gia Lai chủ trì phối hợp rà soát, tự kiểm tra, đánh giá toàn diện việc chấp hành các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, đồng thời khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu có; cùng với đó, VNPT phải chuẩn bị,

⁹ Thông báo số 174/TB-UBND ngày 16/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Anh Tuấn tại buổi làm việc với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; trong đó, giao nhiệm vụ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) nghiên cứu, tham mưu các giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

¹⁰ Công văn số 823/VPUBND-PVHCC ngày 02/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹¹ Công văn số 846/VPUBND-PVHCC ngày 06/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹² Công văn số 5346/UBND-PVHCC ngày 30/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹³ Công văn số 957/VPUBND-PVHCC ngày 20/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và minh chứng kỹ thuật theo danh mục kèm theo để phục vụ công tác kiểm tra theo Kế hoạch số 285/KH-TCTTKĐA, như hồ sơ bảo đảm an toàn theo cấp độ, nhật ký hệ thống, báo cáo sử dụng API, quản trị tài khoản, cấu hình bảo mật, quét lỗ hổng, an toàn mã nguồn, cơ chế bảo vệ và xử lý dữ liệu cá nhân, kịch bản ứng phó sự cố và hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu, gửi kết quả về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/5/2026 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Thực hiện Công văn số 2901/TCT ngày 17/4/2026 của Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06¹⁴, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản¹⁵ giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, VNPT Gia Lai thực hiện kết nối kỹ thuật, đồng thời giao Công an tỉnh hướng dẫn các sở, ngành, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã khai thác thông tin người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cũng như tích hợp giấy tờ và chia sẻ kết quả giải quyết thủ tục hành chính lên VNeID theo quy định.

- Thực hiện Quyết định số 1037/QĐ-BTC ngày 28/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính¹⁶ và Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹⁷, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản¹⁸ yêu cầu Sở Tài chính, Thuế tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương tổ chức thực hiện thủ tục “Tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất”, mặc dù hiện thủ tục này chưa có mã trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và chưa được thiết lập liên thông trên hệ thống điện tử; theo đó, tỉnh chỉ đạo không được từ chối tiếp nhận hay trả lại hồ sơ với lý do kỹ thuật, phải tiếp nhận và xử lý tạm thời bằng các hình thức phù hợp, đồng thời giao Sở Tài chính có văn bản kiến nghị Bộ Tài chính khẩn trương cập nhật công khai mã TTHC, chủ trì xây dựng quy trình nội bộ, hướng dẫn cấp xã, phối hợp với cơ quan thuế để bảo đảm việc giải quyết hồ sơ cho người dân được kịp thời, thống nhất và không bị ách tắc.

- Thực hiện Kế hoạch số 99/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹⁹ và Quyết định số 95/QĐ-VPUBND ngày 06/5/2026 của Chánh Văn

¹⁴ Công văn số 2901/TCT ngày 17/4/2026 của Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 về việc hướng dẫn kết nối, đồng bộ, cập nhật, khai thác giữa Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

¹⁵ Công văn số 5553/UBND-PVHCC ngày 05/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹⁶ Quyết định số 1037/QĐ-BTC ngày 28/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

¹⁷ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

¹⁸ Công văn số 5871/UBND-PVHCC ngày 11/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹⁹ Kế hoạch số 99/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2026.

phòng Ủy ban nhân dân tỉnh²⁰, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Thông báo²¹ về việc thành lập các Tổ công tác kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ và xử lý công việc thường xuyên tại một số cơ quan, địa phương nhằm khảo sát toàn diện thực trạng hoạt động của bộ máy hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; trên cơ sở kiểm tra trực tiếp, thu thập số liệu và khảo sát trực tuyến về khối lượng công việc, biên chế, quy trình nội bộ, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, cơ chế phối hợp, mức độ ứng dụng công nghệ và các lĩnh vực quá tải, các Tổ công tác sẽ phân tích tồn tại, khó khăn, vướng mắc để đề xuất kế hoạch hành động cụ thể theo nguyên tắc “6 rõ”, tập trung vào nâng cao hiệu quả thực thi công vụ, hoàn thiện cơ chế quản lý và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, AI nhằm cải tiến quy trình xử lý công việc, nâng cao hiệu quả hoạt động chung của toàn tỉnh. Đoàn kiểm tra cải cách hành chính tỉnh Gia Lai đã ban hành thông báo²² nhằm phân công rõ nhiệm vụ cho các thành viên các Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026, trong đó Trưởng đoàn chịu trách nhiệm chỉ đạo chung, Tổ trưởng điều hành hoạt động của từng tổ, còn các thành viên được giao phụ trách kiểm tra theo từng lĩnh vực chuyên môn như cải cách thể chế, tổ chức bộ máy, tài chính công, chính quyền số, Đề án 06, đất đai và cải cách thủ tục hành chính; đồng thời công chức, viên chức thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh còn làm nhiệm vụ thư ký, tổng hợp biên bản, dự thảo thông báo kết luận và báo cáo kết quả kiểm tra để bảo đảm việc kiểm tra được triển khai thống nhất, đúng trọng tâm và hiệu quả.

2. Về cải cách việc quy định TTHC

2.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC

- Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh không ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC; tuy nhiên, có phát sinh hoạt động đánh giá tác động TTHC thực hiện việc phân cấp và công bố TTHC thuộc thẩm quyền của địa phương. Theo đó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản tham gia góp ý hồ sơ đánh giá tác động thủ tục hành chính trong các dự thảo Quyết định quy định TTHC, phân cấp TTHC bao gồm: (i) văn bản²³ cho ý kiến đối với hồ sơ đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Quyết định phân cấp thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ²⁴; (ii) văn bản²⁵ cho ý kiến đối với hồ sơ đánh giá tác

²⁰ Quyết định số 95/QĐ-VPUBND ngày 06/5/2026 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn Kiểm tra và phân công thành viên tham gia các Tổ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026.

²¹ Thông báo số 323/TB-UBND ngày 28/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

²² Thông báo số 72/TB-ĐKT ngày 09/5/2026 của Đoàn kiểm tra cải cách hành chính tỉnh Gia Lai.

²³ Công văn số 821/VPUBND-PVHCC ngày 01/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

²⁴ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 21/05/2026 quy định Phân cấp thẩm quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

²⁵ Công văn số 832/VPUBND-PVHCC ngày 05/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Công văn số 914/VPUBND-PVHCC ngày 15/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

động thủ tục hành chính phân cấp trong dự thảo Quyết định ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản²⁶ cho ý kiến đối với hồ sơ đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Quyết định ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai và văn bản²⁷ đôn đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương hoàn thành việc đánh giá tác động thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, vì đến thời điểm hiện tại Sở vẫn chưa hoàn thành nên có nguy cơ gây ách tắc trong giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời yêu cầu Sở tập trung chỉ đạo thực hiện dứt điểm, phối hợp hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định và trong thời gian chưa ban hành văn bản chính thức thì phải sớm có hướng dẫn tạm thời cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã để thống nhất tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, nếu tiếp tục chậm trễ thì Sở phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tham mưu, đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) có quy định thủ tục hành chính (TTHC), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 3210/UBND-PVHCC ngày 19/3/2026 về việc nâng cao chất lượng quy trình dự thảo VBQPPL. Theo đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản²⁸ nhằm tăng cường công tác phối hợp chuyên viên khối Tham mưu - Tổng hợp và các phòng, ban, Trung tâm xử lý, thẩm tra các hồ sơ tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định.

2.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định TTHC: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định²⁹ Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh; trọng tâm là đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ, rà soát nhóm thủ tục hành chính liên thông nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân. Các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu tham mưu đơn giản hóa các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý đảm bảo đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC

3.1. Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 34 Quyết định công bố Danh mục 530 TTHC (trong đó, ban hành mới 43 TTHC; sửa đổi, bổ sung 290 TTHC; thay thế 04 TTHC; bãi bỏ 101 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở,

²⁶ Công văn số 974/VPUBND-PVHCC ngày 23/05/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

²⁷ Công văn số 870/VPUBND-PVHCC ngày 09/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

²⁸ Công văn số 878/VPUBND-PVHCC ngày 11/05/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

²⁹ Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

ban và thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Đồng thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 09 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 92 TTHC trên địa bàn tỉnh và đã thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC. Đồng thời, gửi các bộ chủ quản để thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các bộ.

3.2. Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 116.473 hồ sơ, trong đó bao gồm: 93.793 hồ sơ tiếp nhận mới (có 89.802 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, 3.991 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích), 22.680 hồ sơ tiếp nhận từ kỳ trước chuyển qua.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 85.368 hồ sơ, trong đó bao gồm: 75.623 hồ sơ giải quyết trước hạn, 7.161 hồ sơ giải quyết đúng hạn, 2.584 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 26.925 hồ sơ, trong đó bao gồm: 20.508 hồ sơ còn trong hạn, 6.417 hồ sơ quá hạn.

(có Phụ lục kèm theo Báo cáo)

3.3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Theo số liệu thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

- Công khai, minh bạch đạt 18/18 điểm.
- Tiến độ giải quyết đạt 18,97/20 điểm.
- Dịch vụ trực tuyến đạt 10/12 điểm.
- Thanh toán trực tuyến đạt 10/10 điểm.
- Mức độ hài lòng đạt 18/18 điểm.
- Số hóa hồ sơ đạt 20,8/22 điểm.

Nhằm tiếp tục nâng cao kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản³⁰ ghi nhận nỗ lực của nhiều sở, ngành và địa phương có kết quả tốt, đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp đã được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất để cải thiện các chỉ số còn thấp; đặc biệt giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tập trung chấn chỉnh công tác giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, khắc phục các bất cập

³⁰ Công văn số 5404/UBND-PVHCC ngày 03/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

về quy trình, phần mềm và đồng bộ dữ liệu, đồng thời đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tăng cường hỗ trợ thực chất cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, góp phần cải thiện chất lượng phục vụ và thứ hạng chung của tỉnh. Đồng thời, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản³¹ yêu cầu VNPT Gia Lai khẩn trương kiểm tra, xử lý dứt điểm lỗi đồng bộ trạng thái hồ sơ và hoàn thiện các tính năng trên Hệ thống VNPT-iGate, do thời gian qua việc khắc phục sự cố còn chậm, khiến nhiều hồ sơ đã giải quyết đúng hạn nhưng trên hệ thống vẫn hiển thị quá hạn, ảnh hưởng đến công tác theo dõi, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; theo đó, VNPT Gia Lai phải rà soát, đồng bộ lại toàn bộ hồ sơ lỗi theo danh sách được cung cấp, bố trí đầu mối kỹ thuật thường trực để hỗ trợ kịp thời và báo cáo kết quả về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi hoàn thành.

Trong tháng 5/2026, một số cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính và tổ chức vận hành cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Trong đó, có **17 cơ quan, đơn vị**³² giải quyết hồ sơ đúng hạn, trước hạn, không phát sinh hồ sơ trễ hạn, quá hạn; có **07 cơ quan, đơn vị**³³ đạt tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính 100%. Kết quả này phản ánh sự quan tâm chỉ đạo, điều hành quyết liệt, tinh thần trách nhiệm cao và sự chủ động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; cần được biểu dương, ghi nhận để tiếp tục phát huy.

4. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

Trong tháng 5 năm 2026, công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của người dân và doanh nghiệp trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Công Dịch vụ công quốc gia được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Kết quả cụ thể như sau:

- *Đối với tổng số PAKN tiếp nhận thuộc thẩm quyền*: 154 PAKN. Trong đó:
 - + Đã xử lý và công khai: 123 PAKN. (đảm bảo 100% kết quả được công khai đúng thời gian quy định).
 - + Đang xử lý: 31 PAKN; không có PAKN quá hạn hoặc để xảy ra tình trạng chậm trễ trong khâu tiếp nhận, giải quyết.
- *Đối với PAKN không thuộc thẩm quyền, chuyển xử lý*: chuyển 107 PAKN không thuộc thẩm quyền đến đúng các cơ quan, đơn vị liên quan để giải quyết theo

³¹ Công văn số 869/VPUBND-PVHCC ngày 09/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

³² Số liệu thống kê trên Công Dịch vụ công quốc gia từ ngày 1/1/2026 đến 20/5/2026 tại Bộ Chỉ số 766, kết quả: có **06 đơn vị cấp tỉnh**: Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp và **11 đơn vị cấp xã**: UBND phường An Nhơn Đông, UBND xã An Nhơn Tây, UBND xã An Vinh, UBND xã Nhơn Châu, UBND xã Sró, UBND xã Vân Canh, UBND phường Bồng Sơn, UBND xã An Lão, UBND xã Canh Liên, UBND xã Chư Krey, UBND xã Ia Púch.

³³ Số liệu thống kê trên Công Dịch vụ công quốc gia từ ngày 1/1/2026 đến 20/5/2026 tại Bộ Chỉ số 766, kết quả: có **03 đơn vị cấp tỉnh**: Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp, Sở Y tế và **04 đơn vị cấp xã**: UBND xã Ia Mơ, UBND xã Kim Sơn, UBND xã Krong, UBND xã Nhơn Châu.

quy định, đảm bảo các kiến nghị của công dân được chuyển thông tin kịp thời, không bị tồn đọng.

- *Đối với PAKN từ chối tiếp nhận*: 104 PAKN. Nguyên nhân chủ yếu do: nội dung trùng lặp; không thuộc phạm vi quy định hành chính hoặc người dân cung cấp thông tin không đầy đủ, không đủ cơ sở để cơ quan có thẩm quyền rà soát, xử lý.

Đồng thời, để đảm bảo tiến độ xử lý và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản³⁴ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương rà soát, xử lý dứt điểm các phản ánh, kiến nghị còn tồn trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị quốc gia nhằm bảo đảm trả lời kịp thời, đúng quy định và không ảnh hưởng đến Bộ Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp; theo đó, tính đến ngày 29/4/2026 toàn tỉnh còn 29 phản ánh, kiến nghị đang xử lý, gồm 11 trường hợp sắp quá hạn phải hoàn thành chậm nhất trước ngày 05/5/2026 và 18 trường hợp còn trong thời hạn cần đẩy nhanh tiến độ giải quyết, đồng thời yêu cầu các đơn vị hoàn thành phân quyền cán bộ, cấu hình quy trình và sẵn sàng vận hành trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị mới do Bộ Công an xây dựng. để bảo đảm trả lời công dân đúng thời hạn, đúng thẩm quyền và đúng quy định.

Đáng ghi nhận, trong tháng 5 năm 2026, có **11** cơ quan, đơn vị³⁵ đã thực hiện nghiêm túc, có chất lượng xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị, bảo đảm đúng và trước thời hạn 07 ngày làm việc do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao, rút ngắn đáng kể so với thời hạn 15 ngày làm việc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đây là kết quả thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự chủ động và ý thức phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị trong giải quyết phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân; cần tiếp tục được biểu dương, nhân rộng trong thời gian tới.

5. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ phê duyệt Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2025 – 2030

- Về việc triển khai thực hiện TTHC nội bộ:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định³⁶ Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ năm 2026 trên địa bàn tỉnh; trọng tâm là đề xuất cắt giảm thành phần hồ sơ, rà soát nhóm thủ tục hành chính liên thông nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho tổ chức, cá nhân. Các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu tham mưu đơn giản hóa các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý đảm bảo đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

³⁴ Công văn số 817/VPUBND-PVHCC ngày 30/4/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

³⁵ Kết quả, có **02 đơn vị cấp tỉnh**: Sở Y tế, Sở Tài chính và **09 đơn vị cấp xã**: UBND xã Phù Cát, UBND phường An Nhơn Nam, UBND xã Ia Hrun, UBND xã Tuy Phước, UBND xã Biên Hòa, UBND xã Kon Gang, UBND phường Tam Quan, UBND xã Ia Đok, UBND xã Tuy Phước Bắc.

³⁶ Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 01 Quyết định công bố danh mục 08 TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính.

- Về việc cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của các cơ quan liên quan:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 03 Quyết định³⁷ thông qua Phương án đơn giản hóa cho **1.713 TTHC**, đảm bảo rà soát 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý. Kết quả cắt giảm thời gian giải quyết đạt tỷ lệ **55,15%**, tỉnh không chỉ hoàn thành chỉ tiêu mà còn **vượt 5,15% chỉ tiêu được Chính phủ giao (50%) so với chỉ tiêu năm 2026** tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành “Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, lâm nghiệp, môi trường và phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh”³⁸ góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi, công khai, minh bạch cho nhà đầu tư. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu văn bản³⁹ yêu cầu Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương phối hợp với đơn vị quản trị hệ thống tập trung của các bộ để cấu hình đầy đủ, chính xác quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính thuộc Quy chế phối hợp, bao gồm thời gian xử lý, cơ quan xử lý, cơ quan phối hợp, các bước luân chuyển hồ sơ và trả kết quả, đồng thời thường xuyên rà soát, đối chiếu, cập nhật dữ liệu giữa quy trình nội bộ đã được phê duyệt và quy trình điện tử đã cấu hình để bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính được đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

- Về việc triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành danh mục đối với 100% thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính tại 02 Quyết định⁴⁰ cho phép tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả qua hình thức trực tuyến, trực tiếp không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định⁴¹ Quy chế phối hợp thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, quy định rõ nguyên tắc, trách

³⁷ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ 235 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ 1.478 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 3223/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cắt giảm sâu đối với 790 thủ tục hành chính có liên quan đến việc cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận thuộc cấp tỉnh.

³⁸ Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

³⁹ Công văn số 876/VPUBND-PVHCC ngày 11/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴⁰ Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 24/11/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

⁴¹ Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

nhệm và quy trình phối hợp giữa các cơ quan trong việc tiếp nhận, số hóa, luân chuyển và trả kết quả hồ sơ thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung, cho phép người dân và doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ bộ phận một cửa nào thuận tiện mà không bó hẹp theo địa giới hành chính.

Đồng thời, để nâng cao hiệu quả **Quy trình liên thông thủ tục hành chính đất đai – thuế**⁴². Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục tham mưu văn bản⁴³ chấn chỉnh, tăng cường kiểm soát chất lượng thực thi thủ tục hành chính, nhất là đối với tình trạng hồ sơ trễ hạn, quá hạn, chưa số hóa, thanh toán trực tuyến chưa đạt và khai thác Cơ sở dữ liệu dân cư chưa bảo đảm; qua theo dõi cho thấy vẫn còn nhiều đơn vị, địa phương phát sinh số lượng lớn hồ sơ quá hạn và các chỉ tiêu chất lượng thấp, nên Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương rà soát toàn bộ hồ sơ, xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân, xây dựng giải pháp khắc phục cụ thể, đồng thời giao Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp tục theo dõi, đôn đốc, tổng hợp danh sách đơn vị, cá nhân vi phạm để báo cáo xem xét, chấn chỉnh kịp thời.

- Về đẩy mạnh nâng cao chất lượng thực hiện dịch vụ công trực tuyến:

+ Thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, bên cạnh việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, tổ công nghệ số cộng đồng và các đại lý dịch vụ công của BIDV, Agribank trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁴⁴ chỉ đạo triển khai mô hình “Ki-ốt dịch vụ công” tại các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh chính thức đưa vào vận hành các điểm hướng dẫn, hỗ trợ dịch vụ công nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp ở khu vực xa trung tâm, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định⁴⁵ ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” tại xã Tây Sơn. Quyết định này xác định mô hình điểm để làm cơ sở đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng trên toàn tỉnh; theo đó, kế hoạch đặt ra các chỉ tiêu cụ thể về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đổi mới sáng tạo và an toàn thông tin, đồng thời phân công rõ nhiệm vụ cho các sở, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh đoàn và Ủy ban nhân dân xã Tây Sơn trong việc triển khai đồng bộ hạ tầng số, dịch vụ công trực tuyến, số hóa dữ liệu, ứng dụng AI, phát triển công dân số, chợ số, trường học số, y tế số, phản ánh hiện trường, truyền thanh thông minh, camera an ninh và các mô hình khởi nghiệp sáng tạo, nhằm hình thành

⁴² Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy trình thực hiện liên thông thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai - Thuế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

⁴³ Công văn số 838/VPUBND-PVHCC ngày 05/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴⁴ Công văn số 1812/UBND-PVHCC ngày 10/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴⁵ Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

hệ sinh thái chuyển đổi số cấp xã thiết thực, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Đồng thời, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành văn bản⁴⁶ đôn đốc các sở, ngành, Công an tỉnh, Tỉnh đoàn và Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương triển khai Kế hoạch xây dựng mô hình “Xã hạt nhân số” trên địa bàn tỉnh, trong đó yêu cầu các cơ quan chủ trì sớm xây dựng kịch bản chi tiết cho từng nhiệm vụ tại xã Tây Sơn và các địa phương được chọn, xác định rõ nội dung công việc, đầu mối thực hiện, thời gian, sản phẩm và tài liệu minh chứng; đồng thời đề nghị Tỉnh đoàn phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng và yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tế, gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, tổng hợp.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp tục ban hành Quyết định⁴⁷ Ban hành Khung tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Quyết định này làm cơ sở để các xã, phường tổ chức triển khai, tự đánh giá và được thẩm định, công nhận kết quả hàng năm; theo đó, mô hình được đánh giá trên 05 trụ cột gồm chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đổi mới sáng tạo và an toàn thông tin với tổng 30 tiêu chí thành phần, tối đa 100 điểm, trong đó có 08 tiêu chí bắt buộc áp dụng theo hình thức trừ điểm nếu không hoàn thành, và chỉ những địa phương đạt từ 85 điểm trở lên, đồng thời hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số cao hơn mức tỉnh giao 5% và sớm hơn kế hoạch mới được xét công nhận là “Xã hạt nhân số”.

+ Thực hiện Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh⁴⁸, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁴⁹ hướng dẫn “kịch bản mẫu” để các xã, phường triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng một cách thống nhất, đồng bộ, thiết thực và có hiệu quả, trên cơ sở Đề án phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng giai đoạn 2026–2030; theo đó, đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ điều kiện thực tế và yêu cầu chuyển đổi số tại địa phương để vận dụng, xây dựng kịch bản phù hợp, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ sản phẩm và rõ trách nhiệm để làm cơ sở tổ chức thực hiện và nhân rộng mô hình trong thời gian tới.

- Về thực hiện phân cấp, ủy quyền

⁴⁶ Công văn số 839/VPUBND-PVHCC ngày 06/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴⁷ Quyết định số 1938/QĐ-UBND ngày 04/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴⁸ Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

⁴⁹ Công văn số 825/VPUBND-PVHCC ngày 04/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 01 Quyết định⁵⁰ phân cấp Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết 06 TTHC lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân và 03 quyết định ủy quyền Sở Công Thương 03 TTHC lĩnh vực Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm⁵¹; 01 TTHC lĩnh vực Dầu khí; Sở Nội vụ 03 TTHC lĩnh vực Người có công⁵².

6. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu

Tiếp tục việc triển khai quyết liệt chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, tỉnh Gia Lai tiếp tục triển khai quyết liệt việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, công bố dữ liệu và thành phần hồ sơ điện tử của các Bộ như Bộ Xây dựng, Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản⁵³ chỉ đạo giao các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, khai thác hiệu quả dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để thay thế thành phần hồ sơ giấy trong quá trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức niêm yết, công khai kịp thời các thành phần hồ sơ đã được thay thế bằng dữ liệu điện tử; bảo đảm khi tiếp nhận hồ sơ không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại các giấy tờ, thông tin mà hệ thống đã có khả năng xác thực, khai thác, trích xuất thành công từ cơ sở dữ liệu.

7. Thực hiện 11 Nghị quyết của Chính phủ thông qua phương án cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh:

- Thực hiện Công điện số 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ⁵⁴, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁵⁵ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục ban hành văn bản⁵⁶ đề nghị các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Công an tỉnh tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đồng thời định kỳ hằng tuần báo cáo tình hình chuẩn bị, kết quả làm việc với

⁵⁰ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 21/05/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định Phân cấp thẩm quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

⁵¹ Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 14/04/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh

⁵² Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 11/05/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (01 TTHC) và Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 11/05/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh (02 TTHC).

⁵³ Công văn số 5158/UBND-PVHCC ngày 26/4/2026; Công văn số 5160/UBND-PVHCC ngày 26/4/2026; Công văn số 5403/UBND-PVHCC ngày 03/5/2026; Công văn số 6182/UBND-PVHCC ngày 15/5/2026; Công văn số 6405/UBND-PVHCC ngày 20/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁵⁴ Công điện số 464/TTg-CĐS ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai 08 Nghị quyết cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh.

⁵⁵ Công văn số 5430/UBND-PVHCC ngày 04/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁵⁶ Công văn số 885/VPUBND-PVHCC ngày 12/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

bộ quản lý ngành, tiến độ dự thảo quyết định công bố thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất xử lý để Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo tại cuộc họp hội ý Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện Công văn số 4305/VPCP-CĐS ngày 12/5/2026 của Văn phòng Chính phủ⁵⁷ và Công văn số 3244/BTP-KSTT ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp⁵⁸, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁵⁹; Thực hiện Công văn số 527/TTg-CĐS ngày 18/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ⁶⁰, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁶¹ 6502/UBND-PVHCC ngày 21/05/2026 đề các sở, ban, ngành, Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục khẩn trương triển khai 11 Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh, trong đó nhấn mạnh việc sớm tham mưu công bố danh mục thủ tục hành chính; đồng thời rà soát, hoàn thiện quy trình điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, phù hợp với các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; chủ động tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức địa phương để tiếp nhận, giải quyết thông suốt các thủ tục hành chính được phân cấp; nghiêm cấm việc quy định thêm TTHC, điều kiện kinh doanh hoặc các biện pháp quản lý không cần thiết, làm tăng chi phí tuân thủ đối với người dân, doanh nghiệp, trái với chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và kịp thời báo cáo, kiến nghị xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

- Thực hiện Công văn số 3166/BKHCN-ĐTC ngày 14/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ⁶², Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁶³ giao Sở Khoa học và Công nghệ khẩn trương tham mưu công bố danh mục thủ tục hành chính được phân cấp, tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo quy định mới, cập nhật quy trình điện tử trên hệ thống của Bộ, thực hiện ký số và lưu trữ 100% kết quả điện tử; đồng thời giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường bảo đảm số hóa hồ sơ, khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và VNeID, tuyên truyền rộng rãi các điểm mới để người dân, doanh nghiệp thực hiện đúng quy định, thống nhất và thuận lợi.

⁵⁷ Công văn số 4305/VPCP-CĐS ngày 12/5/2026 của Văn phòng Chính phủ về việc khẩn trương công bố, công khai thủ tục hành chính tại 08 Nghị quyết của Chính phủ.

⁵⁸ Công văn số 3244/BTP-KSTT ngày 13/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

⁵⁹ Công văn số 6194/UBND-PVHCC ngày 16/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁶⁰ Công văn số 527/TTg-CĐS ngày 18/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), điều kiện kinh doanh (ĐKKD) bảo đảm thực chất, phù hợp thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản lý

⁶¹ Công văn số 6502/UBND-PVHCC ngày 21/05/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V/v tiếp tục đơn đốc, triển khai quyết liệt việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD trên địa bàn tỉnh

⁶² Công văn số 3166/BKHCN-ĐTC ngày 14/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP đối với các thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ.

⁶³ Công văn số 6175/UBND-PVHCC ngày 15/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Tình hình triển khai Mô hình “Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung” trên địa bàn tỉnh

Tiếp tục việc triển khai Mô hình “Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung” trên địa bàn, tỉnh Gia Lai đã đạt được các kết quả cụ thể sau:

- Thực hiện Quyết định số 1132/QĐ-BTP ngày 28/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp⁶⁴, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁶⁵ giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của quyết định này trên hệ thống tập trung của Bộ Tư pháp đúng quy định, đồng thời kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

- Thực hiện đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 3173/BKHCN-CĐS ngày 14/5/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁶⁶ giao các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh khẩn trương rà soát, báo cáo tình hình triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung theo lĩnh vực quản lý qua đường dẫn được cung cấp, đồng thời giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm phục vụ việc rà soát, đánh giá lộ trình, mốc thời gian và các giải pháp triển khai kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

- Thực hiện Công văn số 3372/BTP-CNTT ngày 19/5/2026 của Bộ Tư pháp⁶⁷, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁶⁸ giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp triển khai đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, đồng thời theo dõi, tổng hợp khó khăn, vướng mắc sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Tư pháp trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo; cùng với đó, yêu cầu một số Ủy ban nhân dân xã, phường khẩn trương rà soát, cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin tài khoản thụ hưởng trên hệ thống nhằm bảo đảm cấu hình đúng quy định và hạn chế tình trạng thanh toán trực tuyến thành công nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

⁶⁴ Quyết định số 1132/QĐ-BTP ngày 28/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc điều chỉnh Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 658/QĐ-BTP ngày 27/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Tư pháp.

⁶⁵ Công văn số 5379/UBND-PVHCC ngày 01/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁶⁶ Công văn số 64146/UBND-PVHCC ngày 15/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁶⁷ Công văn số 3372/BTP-CNTT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tư pháp về việc tổng hợp, đánh giá việc triển khai HTTT giải quyết TTHC tập trung của Bộ Tư pháp.

⁶⁸ Công văn số 6367/UBND-PVHCC ngày 19/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Công văn số 3173/BKHHCN-CĐSQG ngày 14/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ⁶⁹, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện báo cáo⁷⁰ tình hình rà soát, đánh giá lộ trình và giải pháp triển khai Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung, trong đó nêu rõ tình hiện vẫn đang vận hành song song Hệ thống của tỉnh, các hệ thống tập trung cấp bộ và Cổng Dịch vụ công quốc gia; đánh giá thực trạng số lượng thủ tục, hồ sơ phát sinh, những khó khăn về tài khoản, phân quyền, cấu hình quy trình, đồng bộ dữ liệu, ký số, thanh toán, thống kê báo cáo và hỗ trợ kỹ thuật; đồng thời kiến nghị việc chuyển đổi phải thực hiện theo lộ trình thận trọng, có phân nhóm thủ tục hành chính, có kiểm thử đầy đủ, có phương án dự phòng và chỉ chuyển chính thức khi bảo đảm đầy đủ điều kiện kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn thông tin và không làm gián đoạn việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Để bảo đảm việc triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia mới và kết nối đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được thông suốt, hiệu quả, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo, đôn đốc thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ về kết nối kỹ thuật, chuẩn bị điều kiện vận hành và kịp thời đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai:

+ Thực hiện Thông báo số 1257/TB-TTDLQG-P4 ngày 21/4/2026 của Trung tâm Dữ liệu quốc gia⁷¹, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁷² nhằm triển khai một số giải pháp bảo đảm việc chuyển đổi, vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia mới tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia được ổn định, liên tục và không gây ách tắc trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; theo đó yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ còn tồn đọng theo kịch bản chuyển đổi, rà soát và thiết lập đường dẫn điều hướng đối với các thủ tục hành chính đang tiếp nhận trên hệ thống của tỉnh, rà soát cấu hình lại các thủ tục đã tích hợp trên hệ thống tập trung của bộ, đồng thời chuẩn bị phương án dự phòng để tiếp nhận hồ sơ, thanh toán trực tiếp khi cần và giao VNPT Gia Lai khẩn trương cập nhật các tính năng đồng bộ cần thiết để bảo đảm hệ thống vận hành thông suốt.

⁶⁹ Công văn số 3173/BKHHCN-CĐSQG ngày 14/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc rà soát, đánh giá lộ trình, mốc thời gian, các giải pháp triển khai Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

⁷⁰ Báo cáo số 98/BC-UBND ngày 15/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁷¹ Thông báo số 1257/TB-TTDLQG-P4 ngày 21/4/2026 của Trung tâm Dữ liệu quốc gia về kết luận nội dung cuộc họp rà soát tiến độ triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

⁷² Công văn số 767/VPUBND-PVHCC ngày 21/4/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Thực hiện Thông báo số 1318/TB-TTDLQG-P4 ngày 25/4/2026 của Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12) thuộc Bộ Công an⁷³, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁷⁴ yêu cầu các cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương rà soát, hoàn thiện toàn bộ điều kiện cần thiết để đưa Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia vào vận hành ổn định, thông suốt từ ngày 28/4/2026; trong đó nhấn mạnh việc rà soát danh mục thủ tục hành chính, cấu hình dịch vụ công, hoàn thiện quy trình giải quyết, kiểm thử điều hướng và đồng bộ trạng thái hồ sơ, phân quyền tài khoản cán bộ xử lý, đồng thời giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tập huấn, theo dõi, đôn đốc hằng ngày và tổng hợp khó khăn, vướng mắc để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, bảo đảm không để xảy ra gián đoạn, ách tắc trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện Công văn số 2204/BTP-KSTT ngày 07/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp⁷⁵, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁷⁶ yêu cầu các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh rà soát, đánh giá chất lượng dữ liệu thủ tục hành chính đã được dịch chuyển từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, kịp thời phát hiện và xử lý dữ liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác, đồng thời thực hiện đúng quy định về công bố, công khai, cập nhật, đăng tải thủ tục hành chính, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị để bảo đảm việc vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia được thống nhất, đúng tiến độ và hiệu quả.

+ Thực hiện Thông báo số 1504/TB-TTDLQG-P4 ngày 05/5/2026 của Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an⁷⁷, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁷⁸ yêu cầu các sở, ban, ngành, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương rà soát, cấu hình đầy đủ tài khoản thu phí, lệ phí trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và các hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tập trung, đồng thời cung cấp thông tin cán bộ đầu mối quản trị “Hệ thống quản lý thanh toán tập trung”, nhằm bảo đảm khi người dân, doanh nghiệp thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì tiền được chuyển đúng tài khoản thụ hưởng, tránh sai lệch, chậm đổi soát hoặc ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức, cá nhân.

⁷³ Thông báo số 1318/TB-TTDLQG-P4 ngày 25/4/2026 của Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12) thuộc Bộ Công an về việc tiếp tục rà soát, hoàn thiện các điều kiện để đưa vào vận hành chính thức Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

⁷⁴ Công văn số 5154/UBND-PVHCC ngày 26/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁷⁵ Công văn số 2204/BTP-KSTT ngày 07/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC trên CSDLQG về TTHC tại Cổng DVC quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.

⁷⁶ Công văn số 5347/UBND-PVHCC ngày 30/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁷⁷ Thông báo số 1504/TB-TTDLQG-P4 ngày 05/5/2026 của Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an về tiến độ rà soát, hoàn thiện các điều kiện để vận hành ổn định Hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

⁷⁸ Công văn số 845/VPUBND-PVHCC ngày 06/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Để đảm bảo sẵn sàng kết nối, ngắt chuyển giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Gia Lai với Cổng Dịch vụ công quốc gia mới của Trung tâm Dữ liệu quốc gia⁷⁹, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản⁸⁰ đề nghị các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Công an tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh khẩn trương rà soát, cung cấp danh sách các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến chưa được thực hiện trên hệ thống tập trung của bộ, ngành mà hiện vẫn phải tiếp tục giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, làm căn cứ để Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấu hình thời gian giải quyết, phí, lệ phí và đường dẫn nộp hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia mới; đồng thời thông báo đối với các thủ tục đã được bộ, ngành công bố thực hiện trên hệ thống tập trung thì tỉnh sẽ dùng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và dùng tiếp nhận hồ sơ mới trên hệ thống của tỉnh theo đúng quy định, nhằm bảo đảm việc ngắt chuyển, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia được đồng bộ, thông suốt và đúng tiến độ.

Tính đến ngày 20/5/2026, công tác triển khai mô hình “Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung” trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

- *Việc tích hợp các TTHC của tỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của bộ:* hệ thống tập trung đã tích hợp **1.329/2.122** tổng số TTHC, đạt tỷ lệ 62,6%.

STT	Tên Bộ	Đơn vị cung cấp	Số TTHC đã tích hợp		Số TTHC chưa tích hợp
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
1	Bộ Công Thương	VNPT	281	19	7
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	VNPT	114	49	-
3	Bộ Khoa học và Công nghệ	VNPT	195	-	-
4	Bộ Nội vụ	VNPT	82	66	-
5	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	VNPT	254	56	48
6	Bộ Tư pháp	FPT	149	62	10
7	Bộ Xây dựng	VNPT	157	46	4
8	Bộ Y tế	VNPT	73	21	68
9	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	FPT	24	11	-
10	Bộ Tài chính	DTT	Chưa triển khai	Chưa triển khai	149
11	Bộ Ngoại giao	Viettel			4
12	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch	MobiFone			173

⁷⁹ Theo mô hình Kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh tại Công văn số 5721/BKHCN-CĐSQG ngày 17/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

⁸⁰ Công văn số 933/VPUBND-PVHCC ngày 18/5/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

STT	Tên Bộ	Đơn vị cung cấp	Số TTHC đã tích hợp		Số TTHC chưa tích hợp
			Cấp tỉnh	Cấp xã	
	Tổng cộng		1329	330	463

- Có **9/12** Bộ, ngành triển khai sử dụng hệ thống tập trung từ Trung ương đến địa phương. Cụ thể: (i) các Bộ, ngành đã triển khai (Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Tư pháp) và (ii) các Bộ, ngành **chưa triển khai** (Tài chính, Ngoại vụ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục được Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; nhiều nhiệm vụ mới, khó, phát sinh trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung đã được tỉnh chủ động triển khai kịp thời, không để gián đoạn việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp.

- Công tác chỉ đạo, điều hành tiếp tục có nhiều đổi mới theo hướng quản trị số, quản trị dữ liệu và kiểm soát chất lượng thực thi; nhiều giải pháp mới đã được triển khai như ứng dụng AI hỗ trợ thẩm định hồ sơ đất đai, xây dựng Dashboard theo dõi thủ tục hành chính, triển khai mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, tăng cường kiểm soát chất lượng giải quyết hồ sơ và chấn chỉnh việc xin lỗi hồ sơ trễ hạn trên môi trường điện tử.

- Công tác công bố, công khai, cập nhật thủ tục hành chính, xây dựng quy trình nội bộ và thiết lập quy trình điện tử tiếp tục được triển khai tương đối kịp thời, đồng bộ; việc rà soát, triển khai 08 Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính được tỉnh chủ động thực hiện sớm, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc:

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác cải cách TTHC trên địa bàn còn những tồn tại, hạn chế và khó khăn vướng mắc như sau:

- Mặc dù đã được tập trung chỉ đạo, chấn chỉnh nhưng tình trạng hồ sơ trễ hạn, quá hạn vẫn còn phát sinh tại một số cơ quan, địa phương; trong đó lĩnh vực đất đai vẫn là lĩnh vực có số lượng hồ sơ lớn, nguyên nhân chủ yếu do việc đồng bộ hồ sơ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và phần mềm chuyên ngành đất đai còn bất cập.

- Công tác số hóa thành phần hồ sơ tại một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; chất lượng số hóa còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu xử lý hồ sơ hoàn toàn trực tuyến. Một số tài liệu số hóa còn thực hiện gộp chung, chưa tách theo từng thành phần hồ sơ; thứ tự hiển thị tệp tin chưa hợp lý, nội dung tài liệu bị xoay dọc, xoay ngang gây khó khăn trong quá trình tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ của cán bộ, công chức.

- Việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung còn gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc vào tiến độ triển khai, tích hợp, cấu hình và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; nhiều thủ tục hành chính chưa được tích hợp đầy đủ hoặc còn vận hành song song giữa nhiều hệ thống khác nhau, dẫn đến phát sinh khó khăn trong đồng bộ dữ liệu, phân quyền tài khoản, ký số, thanh toán trực tuyến và thống kê báo cáo.

- Việc khai thác, tái sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cắt giảm thành phần hồ sơ giấy mặc dù đã được triển khai nhưng chưa thật sự đồng bộ; hạ tầng kỹ thuật, khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống còn có thời điểm chưa ổn định, ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Năng lực thích ứng với các hệ thống phần mềm mới, quy trình điện tử mới và yêu cầu xử lý hồ sơ trên môi trường số tại một số cơ quan, địa phương, nhất là cấp xã, vẫn còn chưa đồng đều; một số nơi còn lúng túng trong quá trình vận hành, khai thác hệ thống tập trung và xử lý các tình huống kỹ thuật phát sinh.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trân trọng kiến nghị đến các bộ, ngành một số nội dung sau:

1. Đối với Bộ Công Thương:

- Hiện nay, các Nghị định, Thông tư được ban hành về lĩnh vực Hoá chất đã có hiệu lực thi hành, trong đó có quy định đi kiểm tra điều kiện thực tế tại cơ sở đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoá chất có điều kiện, Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hoá chất; thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất,... các thủ tục này đều có quy định thu phí, lệ phí. Đồng thời theo Quyết định số 87/QĐ-BCT ngày 18/01/2026 và Quyết định số 1040/QĐ-BCT ngày 02/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương đều quy định thực hiện các TTHC trong lĩnh vực Hoá chất phải thực hiện thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có văn bản quy định cụ thể về phí, lệ phí đối với lĩnh vực Hoá chất.

Kính đề nghị Bộ Công Thương kiến nghị, phối hợp các Bộ, ngành có liên quan (Bộ Tài chính) sớm ban hành quy định mức thu phí, lệ phí đối với các TTHC trong lĩnh vực Hoá chất.

2. Bộ Y tế xem xét đẩy nhanh tiến độ tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu về hộ tịch; cơ sở dữ liệu về đất đai phục vụ đơn giản hóa TTHC dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét các quyết định công bố của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ (Quyết định số 893/QĐ-BVHTTDL ngày 21/4/2026, Quyết định số 895/QĐ-BVHTTDL ngày 21/4/2026, Quyết định số 966/QĐ-BVHTTDL ngày 29/4/2026) và Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính Phủ (Quyết định số 999/QĐ-BVHTTDL ngày 04/5/2026) được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của Trung tâm dữ liệu quốc gia, vì vậy, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định công bố, không thể công khai địa phương hóa, từ đó không đồng bộ dữ liệu từ Cổng dịch vụ công quốc gia, người dân, doanh nghiệp chưa thể thực hiện thủ tục hành chính với các quy định mới.

4. Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ: Theo Nghị quyết của Chính phủ, quy định 100% dịch vụ công đủ điều kiện mới cung cấp toàn trình. Tỉnh Gia Lai đã thực hiện nghiêm túc tinh thần này (dịch vụ nào đủ điều kiện thì cung cấp toàn trình, không đủ điều kiện thì làm một phần). Theo quy định kỹ thuật, những dịch vụ không đủ điều kiện toàn trình sẽ không được phép tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia dưới dạng toàn trình. Tuy nhiên, khi đánh giá Bộ chỉ số cải cách hành chính, Bộ Khoa học và Công nghệ lại tính tỷ lệ dựa trên tổng số dịch vụ công toàn trình phát sinh, dẫn đến việc Gia Lai bị chám không đạt chỉ tiêu (chỉ đạt 51,1% toàn trình và 49,84% một phần). Đây là bất cập chung khiến cả năm 2025 và 4 tháng đầu năm 2026, không một tỉnh nào trong cả nước đạt được chỉ tiêu này, mặc dù tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến (gồm toàn trình và một phần) thực tế của Gia Lai đạt 97,27% (tính đến 24/5/2026).

Do đó, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ (nay các chức năng liên quan thuộc Bộ Tư pháp) thống nhất lại phương pháp tính (chỉ tính trên số lượng dịch vụ đủ điều kiện cung cấp toàn trình) và ban hành hướng dẫn cụ thể để các địa phương có căn cứ phấn đấu đạt chỉ tiêu theo đúng Nghị quyết của Chính phủ.

5. Các Bộ, ngành, Trung ương:

- Hiện nay, cán bộ tại bộ phận một cửa (cấp tỉnh và cấp xã) cùng công chức chuyên môn phải tra cứu, xử lý hồ sơ đồng thời trên Hệ thống của tỉnh, Hệ thống cấp bộ, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các phần mềm chuyên ngành. Việc này làm tăng gấp đôi thời gian tác nghiệp, tăng áp lực xử lý và tiềm ẩn nguy cơ chậm muộn hồ sơ. Do đó, kiến nghị Trung ương chỉ đạo chỉ thực hiện chuyển đổi đối với những nhóm thủ tục đã hoàn thiện, đồng bộ kết nối hoàn toàn; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng cán bộ phải nhập liệu thủ công lặp lại một nội dung trên nhiều phần mềm.

- Việc kết nối giữa hệ thống cấp bộ với các nền tảng dùng chung của quốc gia và hệ thống cấp tỉnh thiếu ổn định. Dữ liệu về trạng thái xử lý hồ sơ, kết quả giải quyết, dữ liệu số hóa thành phần hồ sơ chưa được đồng bộ theo thời gian thực. Quy trình trên phần mềm chuyên ngành chưa khớp với hệ thống của bộ về số bước và luồng xử lý. Do đó, kiến nghị Trung ương sớm hoàn thiện kiến trúc kết nối thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP/NGSP); ban hành cơ chế bắt buộc đồng bộ dữ liệu thời gian thực hoặc gần thời gian thực giữa các hệ thống chuyên ngành.

- Việc cấp và quản lý tài khoản xử lý cho cán bộ địa phương chưa thống nhất giữa các bộ, ngành. Khi địa phương có biến động nhân sự, thay đổi phân công nhiệm vụ tại cấp xã/phường, việc cấu hình lại tài khoản trên hệ thống của bộ mất nhiều thời gian, khiến công việc bị đình trệ. Do đó, kiến nghị các bộ, ngành thực hiện ủy quyền hoặc giao quyền chủ động cho cơ quan quản trị cấp tỉnh được phép quản lý, cập nhật thông tin người dùng và cấu hình vai trò xử lý của cán bộ theo thực tế tổ chức bộ máy tại địa phương.

- Hồ sơ hiện đang phân tán trên nhiều hệ thống tập trung của các bộ, ngành, địa phương hoàn toàn thiếu công cụ tổng hợp dùng chung để giám sát tiến độ. Điều này gây khó khăn lớn cho công tác kiểm tra, tổng hợp số liệu đầy đủ và phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kiến nghị các bộ, ngành chủ quản hệ thống phải bảo đảm phân quyền cho địa phương khai thác đầy đủ dữ liệu hồ sơ phát sinh trên địa bàn; đồng thời thống nhất chỉ tiêu, định dạng dữ liệu báo cáo.

- Một số Hệ thống giới hạn dung lượng tệp đính kèm lớn (đặc biệt ở các lĩnh vực như hoạt động xây dựng, đất đai). Vào giờ cao điểm, hiệu năng và tốc độ xử lý chậm. Đáng lo ngại nhất là chưa có phương án dự phòng xử lý hồ sơ khi hệ thống của bộ hoặc Công Dịch vụ công quốc gia gặp sự cố. Do đó, kiến nghị cơ quan chủ trì cần thường xuyên kiểm thử hiệu năng hệ thống ở giờ cao điểm. Trong giai đoạn chuyển tiếp, đề nghị Trung ương cho phép duy trì Hệ thống của tỉnh như một kênh dự phòng kỹ thuật để đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ của người dân không bị gián đoạn.

- Hiện nay việc hỗ trợ xử lý lỗi còn chậm, nhất là Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận hồ sơ của người dân, thời gian xử lý của kỹ thuật tuyến trên rất chậm; thiếu quy chế phối hợp xử lý sự cố liên ngành. Do đó, kiến nghị các bộ chủ quản quan tâm hỗ trợ xử lý các lỗi cho các địa phương kịp thời hơn.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THÁNG 06 NĂM 2026

1. Tiếp tục triển khai hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung theo hướng dẫn của các bộ, ngành.

2. Kiểm tra, nắm bắt tình hình triển khai các hệ thống phần mềm tập trung tại Ủy ban nhân dân các xã, phường để hỗ trợ, khắc phục.

3. Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, trong đó bổ sung quy định về chế tài đánh giá của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, bảo đảm nâng cao trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả giải quyết.

4. Khảo sát đánh giá hiện trạng công tác kiểm tra Kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cải cách hành chính và các cuộc kiểm tra chuyên đề, qua đó làm cơ sở để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

5. Tập trung chỉ đạo việc công bố danh mục thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

6. Tiếp tục theo dõi, phát triển các AI đất đai để nâng cao chất lượng thẩm định, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, cũng như kiểm soát, giám sát công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai.

7. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các mô hình AI khác liên quan đến hoạt động giải quyết thủ tục hành chính của người dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trân trọng báo cáo Bộ Tư pháp tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Tỉnh đoàn Gia Lai;
- VNPT tỉnh, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VPUBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PVHCC^(KSTT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	ĐXL Trong hạn	ĐXL Quá hạn
I	CẤP TỈNH	44620	30204	1358	13058	28027	26445	9	1573	15892	12339	3553
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	81	64	0	17	71	71	0	0	9	9	0
2	Sở Công Thương	536	497	0	39	500	500	0	0	36	36	0
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	20	11	0	9	13	12	1	0	7	7	0
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	356	337	0	19	328	326	2	0	27	27	0
5	Sở Khoa học và Công nghệ	75	62	0	13	41	40	0	1	22	22	0
6	Sở Ngoại vụ	4	4	0	0	2	0	1	1	2	2	0
7	Sở Nội vụ	116	94	0	22	103	103	0	0	13	13	0
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	40677	27336	1252	12089	25260	23687	2	1571	14778	11225	3553
9	Sở Tài chính	156	148	0	8	94	94	0	0	62	62	0
10	Sở Tư pháp	88	88	0	0	86	86	0	0	2	2	0
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	140	127	0	13	127	127	0	0	12	12	0
12	Sở Xây dựng	1130	987	0	143	805	805	0	0	278	278	0
13	Sở Y tế	1070	449	0	621	485	482	3	0	585	585	0
14	Thanh tra tỉnh	171	0	106	65	112	112	0	0	59	59	0
II	CẤP XÃ	71853	59598	2633	9622	57341	49178	7152	1011	11033	8169	2864
1	UBND phường An Bình	642	366	0	276	378	346	0	32	264	72	192
2	UBND phường An Khê	478	386	0	92	365	361	0	4	103	77	26
3	UBND phường An Nhơn	453	371	0	82	390	390	0	0	63	63	0
4	UBND phường An Nhơn Bắc	453	419	0	34	381	381	0	0	50	50	0
5	UBND phường An Nhơn Đông	292	227	0	65	246	244	2	0	44	42	2

STT	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	ĐXL Trong hạn	ĐXL Quá hạn
6	UBND phường An Nhơn Nam	310	284	0	26	270	270	0	0	14	14	0
7	UBND phường An Phú	689	557	0	132	546	0	526	20	143	100	43
8	UBND phường Ayun Pa	580	264	1	315	245	0	225	20	335	52	283
9	UBND phường Bình Định	367	305	0	62	295	295	0	0	72	62	10
10	UBND phường Bồng Sơn	1208	1201	0	7	1171	1171	0	0	37	36	1
11	UBND phường Diên Hồng	234	183	0	51	161	106	45	10	73	44	29
12	UBND phường Hoài Nhơn	549	469	0	80	447	442	5	0	88	88	0
13	UBND phường Hoài Nhơn Bắc	1252	1160	0	92	1194	1194	0	0	58	58	0
14	UBND phường Hoài Nhơn Đông	1503	1406	0	97	1404	1404	0	0	99	77	22
15	UBND phường Hoài Nhơn Nam	586	546	0	40	546	545	0	1	40	40	0
16	UBND phường Hoài Nhơn Tây	2403	2380	0	23	2360	2360	0	0	43	43	0
17	UBND phường Hội Phú	3256	1628	1422	206	1242	0	1230	12	386	367	19
18	UBND phường Pleiku	1092	952	0	140	923	900	22	1	169	169	0
19	UBND phường Quy Nhơn	1324	1173	0	151	1144	1131	0	13	174	157	17
20	UBND phường Quy Nhơn Bắc	1188	1083	0	105	1075	1075	0	0	113	113	0
21	UBND phường Quy Nhơn Đông	825	734	0	91	694	686	0	8	122	121	1
22	UBND phường Quy Nhơn Nam	840	663	0	177	653	639	0	14	172	133	39
23	UBND phường Quy Nhơn Tây	374	232	0	142	216	0	206	10	155	62	93
24	UBND phường Tam Quan	1204	1178	0	26	1146	1146	0	0	48	48	0
25	UBND phường Thống Nhất	790	755	0	35	685	681	0	4	105	103	2
26	UBND xã Albá	189	179	0	10	177	176	0	1	12	12	0
27	UBND xã An Hòa	521	509	0	12	506	506	0	0	15	15	0
28	UBND xã An Lão	265	265	0	0	261	250	11	0	4	4	0
29	UBND xã An Lương	483	432	0	51	412	412	0	0	71	61	10
30	UBND xã An Nhơn Tây	394	355	0	39	354	354	0	0	39	39	0

STT	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	ĐXL Trong hạn	ĐXL Quá hạn
31	UBND xã An Toàn	19	19	0	0	19	0	19	0	0	0	0
32	UBND xã An Vinh	183	182	0	1	181	181	0	0	2	2	0
33	UBND Xã Ayun	228	174	0	54	181	181	0	0	47	34	13
34	UBND xã Ân Hào	121	100	0	21	100	96	0	4	21	13	8
35	UBND xã Ân Tường	496	479	0	17	477	470	4	3	19	18	1
36	UBND Xã Bàu Cạn	174	129	0	45	98	98	0	0	67	59	8
37	UBND Xã Biển Hồ	488	371	1	116	413	410	0	3	75	75	0
38	UBND xã Bình An	521	415	0	106	491	489	0	2	28	24	4
39	UBND xã Bình Dương	442	370	0	72	428	427	1	0	14	14	0
40	UBND xã Bình Khê	184	88	0	96	76	72	0	4	60	17	43
41	UBND xã Bình Phú	52	49	0	3	37	36	0	1	15	15	0
42	UBND xã Bờ Ngoong	483	362	0	121	394	338	8	48	87	39	48
43	UBND xã Canh Liên	61	61	0	0	61	61	0	0	0	0	0
44	UBND xã Canh Vinh	112	88	0	24	93	92	0	1	19	18	1
45	UBND xã Cát Tiên	1586	740	740	106	714	712	0	2	99	15	84
46	UBND Xã Chợ Long	60	53	0	7	55	55	0	0	5	5	0
47	UBND xã Chư A Thai	463	369	2	92	359	352	0	7	104	51	53
48	UBND xã Chư Krey	135	125	0	10	116	114	0	2	19	19	0
49	UBND xã Chư Păh	307	263	0	44	264	7	251	6	41	41	0
50	UBND Xã Chư Prông	353	218	0	135	228	217	0	11	117	61	56
51	UBND xã Chư Puh	655	554	0	101	478	422	48	8	177	161	16
52	UBND Xã Chư Sê	1018	897	0	121	928	0	914	14	90	90	0
53	UBND Xã Cửu An	273	250	0	23	227	0	220	7	46	27	19
54	UBND xã Đak Đoa	774	608	0	166	413	402	0	11	189	177	12
55	UBND xã Đak Pơ	349	322	0	27	314	314	0	0	35	35	0

STT	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	ĐXL Trong hạn	ĐXL Quá hạn
56	UBND xã Đak Rong	124	102	0	22	86	85	0	1	38	38	0
57	UBND xã Đak Somei	225	184	0	41	160	159	0	1	64	33	31
58	UBND xã Đak Song	130	126	0	4	128	126	0	2	2	2	0
59	UBND xã Đê Gi	774	620	0	154	639	638	0	1	135	62	73
60	UBND xã Đức Cơ	801	734	0	67	555	57	493	5	246	244	2
61	UBND xã Gào	526	431	0	95	397	395	0	2	128	127	1
62	UBND xã Hòa Hội	549	521	0	28	498	489	0	9	48	44	4
63	UBND xã Hoài Ân	733	661	0	72	602	599	0	3	80	62	18
64	UBND xã Hội Sơn	171	139	0	32	143	137	0	6	28	20	8
65	UBND xã Hra	351	236	2	113	146	138	0	8	205	127	78
66	UBND xã Ia Băng	588	448	0	140	435	433	0	2	153	149	4
67	UBND xã Ia Bông	358	304	1	53	298	293	0	5	60	50	10
68	UBND xã Ia Chía	121	85	0	36	93	82	0	11	28	5	23
69	UBND xã Ia Dom	49	45	0	4	45	30	11	4	4	4	0
70	UBND xã Ia Đơk	505	421	84	0	443	400	13	30	62	62	0
71	UBND xã Ia Dreh	370	310	0	60	143	0	130	13	56	43	13
72	UBND xã Ia Grai	6370	6321	0	49	6335	6334	0	1	30	30	0
73	UBND xã Ia Hiao	570	435	0	135	438	432	0	6	132	45	87
74	UBND xã Ia Hrú	735	667	0	68	638	608	0	30	94	88	6
75	UBND xã Ia Hrung	1143	439	4	700	548	392	0	156	595	100	495
76	UBND xã Ia Khrol	135	110	0	25	110	100	5	5	25	20	5
77	UBND xã Ia Ko	872	827	0	45	772	749	0	23	78	61	17
78	UBND xã Ia Krái	568	509	30	29	530	521	1	8	36	34	2
79	UBND xã Ia Krêl	205	66	0	139	76	45	0	31	129	124	5
80	UBND xã Ia Lâu	254	175	39	40	210	194	2	14	27	25	2

STT	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	ĐXL Trong hạn	ĐXL Quá hạn
81	UBND xã Ia Le	377	147	1	229	174	0	174	0	203	38	165
82	UBND xã Ia Ly	181	166	0	15	150	143	5	2	27	27	0
83	UBND xã Ia Mơ	23	23	0	0	23	23	0	0	0	0	0
84	UBND xã Ia Nan	430	404	0	26	430	418	0	12	0	0	0
85	UBND xã Ia O	185	160	8	17	160	159	0	1	23	5	18
86	UBND xã Ia Pa	693	644	0	49	620	617	0	3	72	69	3
87	UBND xã Ia Phí	279	224	0	55	224	212	2	10	50	40	10
88	UBND xã Ia Pia	259	243	0	16	228	0	228	0	31	31	0
89	UBND xã Ia Pnôn	162	118	6	38	126	120	0	6	36	20	16
90	UBND xã Ia Púch	122	122	0	0	122	0	121	1	0	0	0
91	UBND xã Ia Rbol	162	162	0	0	159	159	0	0	3	3	0
92	UBND xã Ia Rsai	578	539	0	39	518	516	0	2	60	60	0
93	UBND xã Ia Sao	173	137	0	36	141	132	1	8	32	6	26
94	UBND xã Ia Tôr	179	151	0	28	161	147	0	14	18	9	9
95	UBND xã Ia Tul	389	338	0	51	340	0	316	24	49	39	10
96	UBND xã Kbang	724	600	0	124	570	0	554	16	154	154	0
97	UBND xã KDang	519	352	0	167	328	319	0	9	191	185	6
98	UBND xã Kim Sơn	242	209	0	33	213	186	12	15	24	24	0
99	UBND xã Kon Chiêng	151	115	0	36	36	34	0	2	69	50	19
100	UBND xã Kon Gang	677	520	0	157	497	427	0	70	160	133	27
101	UBND xã Kông Bơ La	505	458	0	47	393	389	0	4	112	106	6
102	UBND xã Kông Chro	518	419	2	97	393	391	0	2	125	125	0
103	UBND xã Krong	111	96	8	7	100	0	90	10	11	11	0
104	UBND xã Lơ Pang	340	205	0	135	198	195	2	1	8	7	1
105	UBND xã Mang Yang	978	808	5	165	715	683	15	17	263	156	107

STT	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	ĐXL Trong hạn	ĐXL Quá hạn
106	UBND xã Ngô Mây	298	293	0	5	273	273	0	0	25	25	0
107	UBND xã Nhơn Châu	8	7	0	1	7	6	1	0	1	0	1
108	UBND xã Phù Cát	217	144	0	73	135	95	0	40	68	52	16
109	UBND xã Phù Mỹ	481	367	0	114	304	293	5	6	174	155	19
110	UBND xã Phù Mỹ Bắc	627	497	0	130	579	577	0	2	48	46	2
111	UBND xã Phù Mỹ Đông	807	619	0	188	547	547	0	0	260	259	1
112	UBND xã Phù Mỹ Nam	482	447	0	35	434	434	0	0	48	47	1
113	UBND xã Phù Mỹ Tây	310	305	0	5	251	127	124	0	53	53	0
114	UBND xã Phú Thiện	659	522	0	137	494	485	0	9	161	102	59
115	UBND xã Phú Túc	946	855	0	91	590	589	0	1	266	260	6
116	UBND xã Pờ Tó	287	249	0	38	223	223	0	0	64	49	15
117	UBND xã Sơn Lang	321	246	0	75	232	0	227	5	86	86	0
118	UBND xã SRó	128	128	0	0	126	126	0	0	2	2	0
119	UBND xã Tây Sơn	680	550	0	130	546	546	0	0	121	121	0
120	UBND xã Tơ Tung	585	277	277	31	508	254	254	0	54	54	0
121	UBND xã Tuy Phước	655	575	0	80	482	0	482	0	173	173	0
122	UBND xã Tuy Phước Bắc	882	814	0	68	804	802	0	2	77	73	4
123	UBND xã Tuy Phước Đông	396	309	0	87	330	330	0	0	66	54	12
124	UBND xã Tuy Phước Tây	333	123	0	210	60	58	0	2	273	87	186
125	UBND xã Uar	790	660	0	130	639	593	0	46	151	85	66
126	UBND xã Vạn Đức	67	49	0	18	51	51	0	0	14	14	0
127	UBND xã Vân Canh	156	156	0	0	84	84	0	0	71	71	0
128	UBND xã Vĩnh Quang	264	262	0	2	250	250	0	0	12	12	0
129	UBND xã Vĩnh Sơn	240	230	0	10	240	240	0	0	0	0	0
130	UBND xã Vĩnh Thạnh	237	225	0	12	228	227	0	1	9	9	0

STT	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	ĐXL Trong hạn	ĐXL Quá hạn
131	UBND xã Vĩnh Thịnh	82	78	0	4	74	74	0	0	8	6	2
132	UBND xã Xuân An	170	154	0	16	156	155	0	1	9	9	0
133	UBND xã Ya Hội	125	110	0	15	107	0	107	0	18	18	0
134	UBND Xã Ya Ma	155	123	0	32	68	22	40	6	30	18	12
135	UBND xã Bình Hiệp	CHƯA GỬI BÁO CÁO TTHC THÁNG 5/2026										
TỔNG CỘNG CẤP TỈNH + CẤP XÃ		116473	89802	3991	22680	85368	75623	7161	2584	26925	20508	6417
